

Bản án số: **94/2025/DS-PT**
Ngày: 12/03/2025
V/v: “*Tranh chấp tài sản thừa kế*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

ông **Phùng Anh Dũng**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Phạm Thị Nguyệt Minh**, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2025, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 226/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp tài sản thừa kế*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 484/2025/QĐPT ngày 12 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông **Liều Cẩm C** (chết ngày 23/3/2022); địa chỉ: **nhà số A đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

+ Cháu **Liều Ní Khánh B**, sinh năm 2012.

Người đại diện theo pháp luật của cháu **B**: bà **Phạm Thị Diễm T**; địa chỉ: **Ấp E, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang**; vắng mặt.

+ Bà **Trương Thị Thúy S**, sinh năm 1961; địa chỉ thường trú: **số A đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; chỗ ở hiện nay: **số B Y, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; có mặt.

- Bị đơn: bà **Trương Thị Thúy S**, sinh năm 1961; địa chỉ thường trú: **số A đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; chỗ ở hiện nay: **số B Y, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: bà **Liều Cẩm P**, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: **nhà số A đường T, phường V, thành phố N,**

tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: số B Y, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà **Liều Cẩm P**: Luật sư **Nguyễn Văn H** thuộc **Công ty L2 - Đoàn luật sư tỉnh K**; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Công ty TNHH một thành viên L2** và Khai thác tài sản – **Ngân hàng TMCP N2 (Công ty A)**.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Hoàng Trọng T1** – Tổng giám đốc **AMC**; địa chỉ: **SR18-SR19 Trung tâm thương mại Q1, số G N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định**.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Lê Quốc Q** và ông **Phạm An N**; cùng chức vụ: Phó phòng xử lý nợ; đều có mặt.

2. Bà **Liều Cẩm T2**, sinh năm 2000

3. Bà **Liều Cẩm S1**, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ cư trú: nhà **số A đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà **S1**: Luật sư **Lê Văn T3** thuộc **Văn phòng L3 - Đoàn luật sư tỉnh K**; có mặt.

4. Bà **Chu Lục M**, sinh năm 1927; địa chỉ cư trú: **số D đội C Nông Trường V, huyện T, khu tự trị dân tộc Choang, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc** (chết ngày 26/10/2020).

5. Ông **Lương Trung N1**; địa chỉ cư trú: nhà **số A đường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; vắng mặt.

6. Bà **Nguyễn Thị Quỳnh H1**; địa chỉ cư trú: nhà **số D đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; vắng mặt.

7. **Công ty Cổ phần H7 (Hanvico)**; địa chỉ: **KM A, Quốc lộ A N, Quận T, thành phố Hà Nội**.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Phạm Văn T4**; vắng mặt.

8. **Ủy ban nhân dân tỉnh K**.

Người đại diện theo ủy quyền của **Ủy ban nhân dân tỉnh K**: ông **Ngô Vĩnh M1** – Chuyên viên **Văn phòng Đ**; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang; địa chỉ: **A T, phường V, thành phố N**.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Trương Bá L** – Chấp hành viên; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông **Liều Cẩm C** trình bày:

- Năm 1980, cha của ông là ông **Liều Sáy H2** kết hôn với mẹ của ông là bà **Trương Thị Thúy S**; hai người có 5 người con chung là: (1) **Liều C** (sinh năm 1982), (2) **Liều Cẩm C** (sinh năm 1986), (3) **Liều Cẩm K** (sinh năm 1984, chết năm 2008, không có vợ con), (4) **Liều Cẩm S1** (sinh năm 1991) và (5) **Liều Cẩm T2** (sinh năm 2000). Ông **Liều Sáy H3** không có con riêng.

- Năm 2003, bà **Trương Thị Thúy S** được ông **Tạ A T5** sống tại Canada làm giấy tờ cho nhà đất **số A đường T, thành phố N** và được ông **Tạ A D** cư ngụ tại **W** làm giấy cho nhà đất **số A đường T, thành phố N**.

- Từ năm 1980 đến năm 2002, cha mẹ ông đã tích lũy được một số vàng. Cha ông đã giao cho mẹ ông số vàng nói trên vào cuối năm 2003, có bản hợp gia tộc, theo đó, mẹ ông đồng ý sáp nhập nhà **số A và số A đường T** thành tài sản chung của vợ chồng. Năm 2004, mẹ ông có mua thêm căn nhà **số A đường T** (của ông **Trương Đức T6**) và căn nhà **số B đường Y** của ông **Thái Quang M2**.

Ngày 03/01/2005, cha ông qua đời không để lại di chúc. Chị em ông còn nhỏ, đang đi học nên đến năm 2013, mới biết mẹ ông đã đem tất cả nhà đất tại **số A, số A và số A đường T** thế chấp tại **Ngân hàng TMCP N2**. Ngân hàng khởi kiện đòi nhà tại Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, chị em ông là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nay, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản thừa kế của cha ông là $\frac{1}{2}$ nhà đất tọa lạc tại **số A, số A và số A đường T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa** theo pháp luật; ông xin nhận bằng hiện vật để có nơi sinh sống; yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho **Công ty TNHH một thành viên L2** và Khai thác tài sản – **Ngân hàng TMCP N2** (viết tắt là **Công ty A**) đối với các nhà đất trên. Sau khi ông **C** chết những người kế thừa quyền và nghĩa vụ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Bị đơn bà **Trương Thị Thúy S** trình bày:

Chồng bà có tên theo giấy khai sinh là **Liều Sâm H4**. Các tên gọi khác như **Liều Sáy H5, Liều S, Liều S** là do việc chuyển âm từ tiếng **T7** sang tiếng Việt khác nhau. Năm 1980, bà kết hôn với ông **Liều Sâm H4** (năm 1998, hai người mới đăng ký kết hôn) và có 05 người con chung như nguyên đơn trình bày. Ông **Liều S2** Hám không có con riêng và ông **H4** chết ngày 03/01/2005, không để lại di chúc.

Về nguồn gốc nhà đất:

- Nhà đất tại **số A đường T, thành phố N** là do chú bà là ông **Tạ A D** cho riêng bà năm 2003, bà được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất 40,94 m² nhưng thực tế bà đang quản lý sử dụng khoảng 97m², từ khi ông **Tạ A D** cho nhà đến nay, nhà không thay đổi gì về kết cấu, bà chỉ sửa chữa chống dột.

- Nhà đất tại **số A đường T, thành phố N** trước đây có diện tích 80,7m² là do bà được ông **Tạ A T5** cho riêng năm 2003. Sau khi mua thêm nhà đất tại **số B Y** vào năm 2014, bà đã tách một phần diện tích đất của nhà đất tại **số B Y** (mặt sau) gộp thửa với nhà đất **số A đường T** để có diện tích 145,4m² như hiện nay.

- Nhà đất tại **số A đường T** trước đây có diện tích 81,57m² là do bà mua của ông **Trương Đức T6** vào năm 2004 với giá 100 cây vàng 9999. Sau đó, bà ghép nốt phần diện tích đất còn lại của nhà đất 2A Yết Kiêu (mặt trước) nhập vào nhà đất **số A đường T** để có tổng diện tích khoảng 113,98m² như hiện nay.

Toàn bộ nhà đất tại **số A đường T** và là do bà mua bằng tiền của vợ chồng bà tiết kiệm được từ năm 1980 đến năm 2002. Theo biên bản hợp gia tộc vào năm 2003, bà đã nhập nhà **số A đường T** và nhà **số A đường T** cũ vào khối tài sản chung vợ chồng. Tuy nhiên, để thuận lợi cho việc kinh doanh, bà đứng tên một mình trong giấy chứng nhận sở hữu tài sản. Năm 2003, ông **Liều S2** Hám giao cho bà hơn 300 cây vàng là tiền của hai vợ chồng bà tiết kiệm được suốt từ năm 1980 đến năm 2002. Việc giao nhận được lập thành văn bản hợp gia tộc có sự chứng kiến của em ông **L1** Sâm Hám là **Liều Anh G** và **T8** tộc là ông **Liều A M3**. Tiền mua nhà đất tại **số A đường T** của ông **Trương Đức T6** và nhà đất 2A đường

Yết Kiêu của ông **Thái Quang M2** vào năm 2014 là tiền vàng do vợ chồng bà tiết kiệm được. Bị đơn đồng ý chia tài sản thừa kế của ông **Liều Sấy H2** là ½ nhà đất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà xin nhận bằng hiện vật.

Nhà đất 119 **đường T** hiện cho **Công ty H8** thuê nhưng hai bên chưa giải quyết xong hợp đồng. Bà cho ông **Lương Trung N1** thuê mặt bằng nhà đất 123 và 125 **đường T** (không bao gồm phần phía sau được ghép với **nhà B đường Y**) theo Văn bản cho thuê mặt bằng đề ngày 11/02/2017. Tại phiên tòa bà **S** đã xác định giải quyết xong hợp đồng với ông **N1** nên không có yêu cầu gì. Sau khi giải quyết xong hợp đồng với ông **N1** thì bà **S** tiếp tục cho bà **Nguyễn Thị Quỳnh H1** thuê nhà này và bà đã nhận đủ tiền thuê mặt bằng cho đến khi hết hạn hợp đồng là ngày 19/02/2020. Hiện nay, hợp đồng này hai bên chưa thanh lý.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ, liên quan có yêu cầu độc lập bà **Liều Cẩm P** trình bày:

Tất cả các tài sản đang tranh chấp thừa kế đã bị bà **Trương Thị Thúy S** đem đi thế chấp cho ngân hàng và sau đó chuyển nhượng cho **Công ty A** mà không có sự đồng ý của anh em bà. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án tuyên hủy 06 hợp đồng được ký kết giữa bà **Trương Thị Thúy S** với **Công ty A** gồm:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2201 quyền số MB TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2009 được công chứng tại **phòng C1** tỉnh Khánh Hòa.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2202 quyền số MB TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2009 được công chứng tại **phòng C1** tỉnh Khánh Hòa.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2203 quyền số CN TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2009 được công chứng tại **phòng C1** tỉnh Khánh Hòa.

- Hợp đồng mua bán có kỳ hạn tài sản bất động sản số 02/2009/HĐ-CTQL&KTTS ngày 08/10/ 2009.

- Hợp đồng mua bán có kỳ hạn tài sản bất động sản số 03/2009/HĐ-CTQL&KTTS ngày 08/10/ 2009.

- Hợp đồng mua bán có kỳ hạn tài sản bất động sản số 04/2009/HĐ-CTQL&KTTS ngày 08/10/2009.

Bà xin được nhận thừa kế cả bằng hiện vật và bằng tiền.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Liều Cẩm P**, bà **Liều Cẩm S1** và bà **Liều Cẩm T2** trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về quan hệ gia đình và nguồn gốc tài sản. Các bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xin nhận bằng hiện vật nhà đất để có nơi sinh sống và thờ cúng cha và em trai. Riêng bà **Liều Cẩm P** trình bày thêm: **Nhà B đường Y** do cha mẹ bà mua của ông **Thái Quang M2** ngày 25/5/2004. Khoảng năm 2013, 2014, bà có làm lại toàn bộ phòng ngủ tầng 3, lát gạch men, sơn nước lại tầng lửng và 02 phòng ngủ tầng 2, sơn nước tầng trệt và phòng thờ với chi phí 220.000.000 đồng. Nhà 123 và 125 **đường T** xuống cấp trầm trọng, rất nguy hiểm (gác gỗ mục hết, mái ngói đổ xuống, tường thấm nước, nền nhà toàn nước, hệ thống điện bị chập nước) nên bà đã thay ngói, sơn lại tường, lợp tôn, lát gạch hoa với chi phí 400.000.000đ.

5. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH một thành viên L2 và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP N2 (Công ty A) trình bày:

Ngày 08/10/2009, Công ty A ký 03 hợp đồng mua bán có kỳ hạn tài sản bất động sản với bà Trương Thị Thúy S để chuyển nhượng các bất động sản tại số A đường T, số B đường Y, số A đường T và số A đường T, phường V, thành phố N. Theo đó, bà Trương Thị Thúy S chuyển nhượng cho Công ty A các tài sản kể trên và bà S được quyền mua lại tài sản vào ngày 08/4/2010 theo giá các bên đã thỏa thuận. Ngày 16/10/2009, Công ty A và bà Trương Thị Thúy S ký tiếp 03 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Phòng Công chứng số A tỉnh Khánh Hòa đối với các tài sản trên. Hết thời hạn mua lại như đã cam kết nhưng bà Trương Thị Thúy S không thực hiện việc mua lại tài sản đã chuyển nhượng nên Công ty A đã làm thủ tục đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các bất động sản trên. Tuy nhiên, đến nay bà Trương Thị Thúy S vẫn chưa bàn giao các bất động sản trên. Vì vậy, Công ty A không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông Liêu Cẩm C, bà Liêu Cẩm P và yêu cầu bà S phải bàn giao ngay các bất động sản này cho Công ty.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh K trình bày:

- Đối với nhà đất tại số A đường T, thành phố N: theo Bản án số 09 ngày 26/4/1994 của Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng thì nhà đất tại A T thuộc quyền sở hữu của ông Tạ A D. Ngày 08/7/2003, ông Tạ A D tặng cho căn nhà A T, thành phố N cho bà Trương Thị Thúy S theo Giấy cho nhà được T9 tại S xác nhận ngày 12/7/2003. Ngày 11/3/2005, UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AB 402249, số vào sổ H01247 cho bà Trương Thị Thúy S đối với nhà đất tại A T, thành phố N với nội dung như sau: Diện tích đất 40,94 m²; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng: Lâu dài. Về tài sản gắn liền với đất: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng: 40,94 m².

- Đối với nhà đất tại số B đường Y - số A đường T, thành phố N: ngày 15/6/2004, UBND tỉnh K cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1263/2004 cho ông Trương Đức T6 đối với nhà đất tại số A đường T, thành phố N với nội dung: Diện tích đất 81,57m²; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng: lâu dài. Về tài sản gắn liền với đất: Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng: 81,57m². Ngày 19/7/2004, UBND tỉnh K cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1535/2004 cho ông Trương Đức T6 đối với nhà đất tại số B đường Y, thành phố N. Ngày 14/6/2005, ông Trương Đức T6 tặng cho 02 căn nhà tại số A đường T và số B đường Y cho bà Trương Thị Thúy S theo Hợp đồng được UBND phường V xác nhận ngày 14/6/2005. Ngày 15/6/2005, UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AC 904318 cho bà Trương Thị Thúy S đối với nhà đất tại số A đường T và số B đường Y, thành phố N do hợp thửa với nội dung như sau: Diện tích đất 125,09m²; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng: Lâu dài. Về tài sản gắn liền với đất: Nhà 04 tầng, diện tích xây dựng: 113,89m². Đồng thời thu hồi 02 Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1535/2004 và số 1263/2004 nêu trên.

- Đối với nhà đất tại **số A đường T, thành phố N**: Theo Bản án số 09 ngày 26/4/1994 của Tòa án nhân dân tối cao Đà Nẵng thì nhà đất tại **số A đường T** thuộc quyền sở hữu của ông **Tạ A T5**. Ngày 05/3/2003, ông **Tạ A T5** tặng cho căn nhà này cho bà **Trương Thị Thúy S** theo Giấy cho nhà được **Đ1** tại Canada xác nhận ngày 05/3/2003. Ngày 23/6/2004, bà **Trương Thị Thúy S** mua một phần nhà 02A đường Yết Kiêu của ông **Thái Quang M2**. Ngày 19/7/2004, **UBND tỉnh K** cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1534/2004 cho bà **Trương Thị Thúy S** đối với nhà đất tại **số A đường T (góc B+125), thành phố N** với nội dung như sau: Diện tích đất 145,40 m²; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng: Lâu dài. Về tài sản gắn liền với đất: Nhà 03 tầng + lửng, diện tích xây dựng: 126,17m².

- Về việc bà **Trương Thị Thúy S** chuyển nhượng 03 căn nhà đất nêu trên: Ngày 16/10/2009, bà **Trương Thị Thúy S** chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 03 thửa đất nêu trên cho **Công ty TNHH L2** và Khai thác tài sản - **Ngân hàng TMCP N2**, được Phòng công chứng **Số A tỉnh Khánh Hòa** công chứng. Các bên đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính (Lệ phí trước bạ nhà đất, thuế thu nhập cá nhân) đối với việc chuyển nhượng nêu trên. **Sở T10** có Tờ trình số 581/TTr-STNMT ngày 04/11/2010 và Tờ trình số 79/TTr-STNMT ngày 21/02/2011 trình **UBND tỉnh K** cấp Giấy chứng nhận cho **Công ty TNHH L2** và Khai thác tài sản - **Ngân hàng TMCP N2** đối với 03 căn nhà đất nêu trên, gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA 171979, số vào sổ CT-00643 do **UBND tỉnh K** cấp ngày 19/11/2010 đối với nhà đất tại **A T, phường V, thành phố N**.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BĐ 292543, số vào sổ CT-00740 do **UBND tỉnh K** cấp ngày 02/3/2011 đối với nhà đất tại **B Y và A T, phường V, thành phố N**.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA 171967, số vào sổ CT-00741 do **UBND tỉnh K** cấp ngày 02/3/2011 đối với nhà đất tại **A T, phường V, thành phố N**.

Việc **UBND tỉnh** cấp Giấy chứng nhận cho **Công ty TNHH L2** và Khai thác tài sản - **Ngân hàng TMCP N2** là đúng quy định pháp luật.

7. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lương Trung N1** trình bày: Ông thuê mặt bằng nhà đất tại **A - 125 đường T, N** của bà **Trương Thị Thúy S** theo Văn bản cho thuê mặt bằng đề ngày 11/02/2017. Nội dung thuê đúng như Văn bản cho thuê. Trước khi ký Văn bản cho thuê trên, bà **S** có cho ông khoảng 01 tháng không tính tiền thuê nhà để ông sửa chữa, cải tạo nhà thuê phục vụ cho mục đích kinh doanh của ông vì nhà 123 và 125 **đường T** đã sụp toàn bộ mái ngói âm dương cũ, nhà xuống cấp nghiêm trọng không thể sử dụng được. Ông đã bỏ tiền ra xây sửa nhà trên diện tích thuê là 170m², cụ thể: gia cố chịu lực giàn mái, làm lại mái – thay mái ngói để làm mái tôn như hiện nay, ốp lại nền, làm trần la phong thạch cao, làm công trình phụ, thay hệ thống cửa, nâng cấp làm mới hệ thống điện, nước cấp và thoát sinh hoạt để có thể sử dụng nhà và công trình phụ an toàn; chi phí hết 340.000.000 đồng. Vì ông đầu tư rất nhiều vào sửa chữa nhà để kinh doanh nên tại Văn bản cho thuê mặt bằng đề ngày 11/02/2017, hai bên thỏa thuận: ngoài việc trả lại 02 tháng tiền cọc, nếu bà **S** lấy lại nhà trong năm

đầu tiên sẽ phải trả lại cho ông 300.000.000 đồng, lấy lại năm thứ hai sẽ phải trả lại 200.000.000đ, lấy lại trong năm thứ ba sẽ phải trả lại 100.000.000đ; khi hết hợp đồng thuê thì ông trả lại nhà cho bà S như hiện trạng ông đã sửa (bao gồm cả phân sửa).

Toàn bộ tiền thuê nhà 03 năm ông đã trả hết cho bà S, hiện bà S còn giữ lại của ông 02 tháng tiền đặt cọc là 88.000.000 đồng. Nếu Tòa án xử ông không được thuê nhà nữa thì ông yêu cầu bà S phải trả lại ông tiền đặt cọc. Tại thời điểm xem xét thẩm định lại ông N1 không còn quản lý mặt bằng và người đang trực tiếp quản lý là Công ty TNHH2 quản lý nợ và khai thác tài sản của Ngân hàng N2.

8. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chu Lục M, bà Nguyễn Thị Quỳnh H1, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần H7 và người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt theo quy định để giải quyết vụ án nhưng vắng mặt.

Với các nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định: căn cứ Điều 122, Điều 465, Điều 467, Điều 674, Điều 676 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 227, Điều 228, Điều 474 và Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 32 và Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Liều Cẩm C và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Liều Cẩm P về việc “Chia di sản thừa kế” của ông Liều Sậy H2 đối với nhà đất tại số A, 123, 125 đường T (góc B đường Y), phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Liều Cẩm C và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Liều Cẩm P về việc “Hủy 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo các số phát hành: BA 171979, số vào sổ cấp CT-00643 cấp ngày 19/11/2010 đối với nhà đất tại 119 đường T, phường V, thành phố N; số phát hành: BD 292543, số vào sổ cấp CT-00740 cấp ngày 02/3/2011 đối với nhà đất tại B Y và số A T, phường V, thành phố N; số phát hành: BA 171967, số vào sổ cấp CT-00741 cấp ngày 02/3/2011 đối với nhà đất tại số A đường T, phường V, thành phố N.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Liều Cẩm P về việc tuyên vô hiệu 06 hợp đồng được ký kết giữa bà Trương Thị Thúy S với Công ty TNHH một thành viên L2 và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP N2 gồm:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2201 quyền số MB TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2009 được công chứng tại phòng C1 tỉnh Khánh Hòa.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2202 quyền số MB TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2009 được công chứng tại phòng C1 tỉnh Khánh Hòa.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2203 quyền số CN TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2009 được công chứng tại [phòng C1](#) tỉnh Khánh Hòa.

- Hợp đồng mua bán có kỳ hạn tài sản bất động sản số 02/2009/HĐ-CTQL&KTTS ngày 08/10/ 2009.

- Hợp đồng mua bán có kỳ hạn tài sản bất động sản số 03/2009/HĐ-CTQL&KTTS ngày 08/10/ 2009.

- Hợp đồng mua bán có kỳ hạn tài sản bất động sản số 04/2009/HĐ-CTQL&KTTS ngày 08/10/2009.

4. Công ty TNHH một thành viên L2 và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP N2 được quyền quản lý, sử dụng 56,9m² đất lưu không (qui hoạch giao thông) nằm ngoài diện tích 40,9m² đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 171979, số vào sổ CT-00643 ngày 19/11/2010 tại địa chỉ số A đường T, thành phố N và được quyền sở hữu nhà trên đất này.

Đồng thời, Công ty TNHH một thành viên L2 và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP N2 được quyền quản lý, sử dụng 10,1m² đất lưu không (qui hoạch giao thông) nằm ngoài diện tích 145,1m² đã được Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 171967, số vào sổ cấp CT-00741 ngày 02/3/2011 tại địa chỉ số A đường T, thành phố N và được quyền sở hữu nhà trên đất này (Sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong các ngày từ 04 đến 09/5/2024, bị đơn bà Trương Thị Thúy S; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Liều Cẩm P, chị Liều Cẩm T2, chị Liều Cẩm S1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Trương Thị Thúy S; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Liều Cẩm P, chị Liều Cẩm T2, chị Liều Cẩm S1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đơn kháng cáo của các đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Trương Thị Thúy S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Liều Cẩm P giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Phạm Thị Diễm T (đại diện cho cháu Liều Ní Khánh B) vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo chị Liều Cẩm T2, chị Liều Cẩm S1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T, chị T2, chị S1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của các đương sự và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của đương sự:

Do các đương sự kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử xem xét các vấn đề sau:

[2.1]. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 23/3/2022, nguyên đơn ông **Liều Cẩm C** chết nên người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông **C** là bà **Trương Thị Thúy S** (mẹ) và con ông **C** là cháu **Liều Ní Kháng B1**. Tại phiên tòa, bà **Phạm Thị Diễm T** đại diện theo pháp luật của cháu **B1** vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Chu Lục M**, bà **Nguyễn Thị Quỳnh H1**, người đại diện theo pháp luật của **Công ty Cổ phần H7** vắng mặt; chị **Liều Cẩm T2**, chị **Liều Cẩm S1**, ông **Lương Trung N1**, Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, người đại diện theo ủy quyền của **Ủy ban nhân dân tỉnh K** yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 227, 228, 474 và 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng pháp luật.

[2.2]. Xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.2.1]. Xét nguồn gốc nhà, đất tranh chấp:

- Đối với nhà, đất tại địa chỉ **số A T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**: căn cứ Bản án đã có hiệu lực pháp luật số 09/1994 ngày 26/4/1994 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng thì nhà, đất này được chia thừa kế cho ông **Tạ A D**. Ngày 08/7/2003, ông **D** tặng cho nhà đất trên cho bà **Trương Thị Thúy S** theo Giấy cho nhà được **T9** tại **S** chứng nhận ngày 12/7/2003. Bà **S** đã làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu và đã được **Ủy ban nhân dân thành phố N** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 402249, sổ vào sổ cấp GCN: H01247 ngày 11/3/2005 đứng tên bà **Trương Thị Thúy S**.

- Đối với nhà đất tại **A T, N, tỉnh Khánh Hòa**, cũng theo bản án nêu trên thì nhà đất này được chia thừa kế cho ông **Tạ A T5**. Ngày 05/3/2003, ông **T5** lập giấy cho bà **S** nhà đất này và đã được **T9** tại Canada chứng nhận ngày 05/3/2003. Bà **S** đã đăng ký quyền sở hữu và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất.

- Đối với nhà đất tại **số B Yết Kiêu và 123 Thống Nhất, N**: nhà đất này có nguồn gốc là của ông **Trương Đức T6** theo các Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1535/2004 nhà đất tại **số B Y, N** và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 1263/2004 đều đứng tên ông **Trương Đức T6**. Ngày 14/6/2005, ông **Trương Đức T6** tặng cho 02 nhà đất này cho bà **Trương Thị Thúy S** theo Hợp đồng được **Ủy ban nhân dân phường V** xác nhận ngày 14/6/2005. Ngày 15/6/2005, **Ủy ban nhân dân thành phố N** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 904318, sổ vào sổ cấp GCN: H04904 đứng tên bà **Trương Thị Thúy S**.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà **Trương Thị Thúy S** và bà **Liều Cẩm P** cho rằng căn cứ Hợp đồng mua bán nhà viết tay năm 2003 thể hiện bà **S** mua của ông **Thái Quang M2** nhà đất tại **B Y**, diện tích 97,02m² với giá 210 cây vàng. Theo đơn kháng cáo cùng lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm cho

rằng nhà đất tại A T và căn nhà số B đường Y được hình thành để sáp nhập vào căn nhà số A và A đường T được mua bằng tiền là tài sản chung của bà S và chồng là ông Liều Sấy H2. Về phía bà S, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm thì bà cho rằng nhà đất này bà mua giao vàng là 120 cây vàng 9999. Tuy nhiên, một phần diện tích 32.32m2 phía trước nhà 2A Yết Kiêu (ký hiệu g4A trên sơ đồ bản vẽ) là của ông Trương Đức T6. Như vậy, việc bà S cho rằng căn cứ vào giấy mua nhà viết tay nêu trên để xác định toàn bộ nguồn gốc diện tích nhà 2A Yết Kiêu là tài sản chung của vợ chồng là có nhiều mâu thuẫn và không có cơ sở chấp nhận.

Hơn nữa, theo Hợp đồng mua bán giữa bà Trương Thị Thúy S và ông Thái Quang M2 được Văn Phòng C2 tỉnh Khánh Hòa công chứng ngày 23/6/2004, thể hiện bà S nhận chuyển nhượng của ông M2 chỉ có 64,7m2 (phần sau của nhà 2A Yết Kiêu ký hiệu g4B) với giá 150.000.000 đồng. Sau khi nhận chuyển nhượng phần diện tích này thì bà S đã thực hiện thủ tục nhập diện tích 64,7m2 vào phần diện tích nhà số A T mà bà được ông Tạ A T5 tặng cho. Tuy nhiên, tại thời điểm này, ông Liều Sấy H2 còn sống và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con của ông H2, bà S cùng ở trên địa chỉ này không ý kiến phản đối gì và cũng không có chứng cứ gì chứng minh số tiền mua nhà này là có một phần của ông H2. Sau khi sáp nhập, giấy tờ pháp lý đối với nhà, đất này chỉ đứng tên riêng của bà S, bà S đã sử dụng để giao dịch thế chấp bảo lãnh vay tín dụng tại ngân hàng nhưng các con của ông H2 cũng không ý kiến gì. Như vậy, có căn cứ xác định nhà, đất tại địa chỉ 2A Yết Kiêu một phần ông M2 bán cho ông T6 (32,32m2), phần còn lại (64,7m2) bán cho bà S theo các giấy tờ chứng cứ nêu trên nên có cơ sở khẳng định phần nhà đất này là của riêng bà S. Do đó, bà S căn cứ vào giấy viết tay nêu trên để xác định nhà 2A Yết Kiêu là tài sản chung của vợ chồng là không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, nguồn gốc các tài sản nhà, đất tại các địa chỉ 119, 125, 123 và 2A Yết Kiêu, N là tài sản riêng của bà Trương Thị Thúy S và bà S đã tự nguyện thực hiện các hợp đồng bảo lãnh thế chấp vay, các hợp đồng có kỳ hạn mua bán tài sản và các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với Công ty TNHH L2 và khai thác tài sản – Ngân hàng N2. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 46/2023/DS-PT ngày 21/4/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã tuyên “Buộc các ông bà Trương Thị Thúy S, Trương Văn H6, Liều C, Liều Cẩm C, Liều C, Liều C, Phạm Thị Diễm T phải trả lại cho Công ty TNHH MTL2 quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP N2 tại địa chỉ A T, A T, 123 Thống Nhất và 02 A Yết K, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 171979, số vào sổ 00643 ngày 19/11/2010; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 292543, số vào sổ CT-000740 ngày 02/3/2011 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 171967, số vào sổ CT-0007401 ngày 02/3/2011)”. Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên đang có hiệu lực pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận tuyên vô hiệu các hợp đồng trên và cũng không có cơ sở tuyên hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, toàn bộ tài sản là của riêng bà S nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, bà

P về chia di sản thừa kế của ông **H2**. Vì vậy, bên nguyên đơn, bị đơn và bà **P** yêu cầu công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2.2]. Xét phần diện tích đất lưu không: theo giấy tờ nhà, đất tại **A T, thành phố N** thể hiện tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cơ quan có thẩm quyền công nhận cho bà **S** 40,9m², đối với phần diện tích lưu không (quy hoạch giao thông 56,9m²) thực tế bà **S** được tặng cho và quản lý, sử dụng gắn liền không thể tách rời công năng diện tích và tài sản. Tại Văn bản số 2020/UB ngày 09/12/2004, **UBND thành phố N** cũng xác định “... phần diện tích nhà và đất số 119 **đường T** vi phạm lộ giới **đường Y** là sở hữu hợp lệ của bà **Trương Thị Thúy S** có trước khi công bố lộ giới **đường Yết Kiêu**”. Thực tế cho thấy phần đất này mặc dù bà **S** chưa được nhà nước công nhận nhưng thực tế sử dụng thì bà **S** xây dựng công trình trên đất mà không ai tranh chấp. Theo bản đồ địa chính chính quyền địa phương và **N3** cho thấy diện tích bà **S** quản lý là toàn bộ diện tích địa chỉ 119 **T**, bao gồm cả phần chưa cấp giấy chứng nhận. Do đó, quá trình thế chấp, chuyển nhượng phải bao gồm toàn bộ diện tích, tài sản trên phần diện tích này mới đảm bảo điều kiện nhà, đất sử dụng có lối đi và đảm bảo giá trị lô đất trong quá trình thỏa thuận thực hiện giao dịch với **Ngân hàng N2**.

Đối với nhà, đất 125 **T, thành phố N**: diện tích lưu không (quy hoạch giao thông) là 10,1m². Cũng như nhận định ở trên thì phần diện tích gắn liền với phần đã được công nhận quyền sử dụng đất nên quá trình thế chấp để đảm bảo thực tế sử dụng, công năng, giá trị tài sản thì việc thế chấp và chuyển nhượng phải gắn liền, không thể tách rời để xác định phần này chưa chuyển nhượng từ đó xác định là tài sản chung của ông **H2**, bà **S** để xác định là di sản của ông **H2** là không có cơ sở.

[2.3]. Về các hợp đồng thuê nhà: đối với các Hợp đồng thuê nhà được ký kết giữa bà **Trương Thị Thúy S** với những người khác. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, những người này không có yêu cầu khởi kiện hoặc yêu cầu độc lập để giải quyết các hợp đồng này nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Trường hợp các đương sự tranh chấp có quyền khởi kiện vụ án dân sự khi có yêu cầu.

[2.4]. Đối với bà **Chu Lục M** được Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án “Tranh chấp tài sản thừa kế”, căn cứ Văn bản Công chứng ngày 16/01/2024 (bút lục 1669) thể hiện con trai của bà **Chu Lục M** là ông **Liao S3** là người công chứng thông tin bà **Chu Lục M** chết ngày 26/10/2020, bà **M** chết trước thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án nhưng do cấp sơ thẩm không nhận được thông tin nên không đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà **M** vào tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, tài sản các đương sự có tranh chấp trong vụ án này được xác định là tài sản riêng của bà **Trương Thị Thúy S** như đã nhận định ở phần trên. Do vậy, việc xác minh để đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà **Chu Lục M** vào tham gia tố tụng khiến vụ án bị kéo dài, không cần thiết. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án cũng không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ.

[3]. Từ các nhận định tại mục [2] nêu trên của bản án, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Trương Thị Thúy S**, kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Liều Cẩm P**, chị **Liều Cẩm T2**

và chị **Liều Cẩm S1**. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

[4]. Chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm được thực hiện theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

[5]. Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu theo quy định; bà **Trương Thị Thúy S** là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà **Trương Thị Thúy S**, kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Liều Cẩm P**, chị **Liều Cẩm T2** và chị **Liều Cẩm S1**. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị đơn bà **Trương Thị Thúy S** được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Liều Cẩm P**, chị **Liều Cẩm T2** và chị **Liều Cẩm S1**, mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000495 ngày 12/6/2024; 0000514 ngày 11/7/2024; 0000515 ngày 15/7/2024 cùng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà **Liều Cẩm P**, chị **Liều Cẩm T2**, chị **Liều Cẩm S1** đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác; quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thực hiện theo Quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 26/04/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II – Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên

